

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **197/2026/DS-PT**
Ngày: 09-3-2026
V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/02/2026, ngày 03/3/2026 và ngày 09/3/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 874/2025/TLPT-DS ngày 17/12/2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực S - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2026/QĐ-PT ngày 08/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn B, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số A, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1960 theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/3/2025 (có mặt); Địa chỉ: Tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T4;

Địa chỉ: Tầng D, 5, 6 Tòa nhà T, Ô đất P Khu đô thị C, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Thúy N, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ - Ngân hàng TMCP T4 (theo Quyết định ủy quyền số 203/2025/QĐ-CTHĐQT ngày 05/5/2025);

Địa chỉ: Số A, đường N, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Ông Đỗ Văn Q, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Đ - Ngân hàng TMCP T4 theo Giấy ủy quyền ngày 18/6/2025 (ông Q có mặt ngày 03/3/2026, vắng mặt ngày 09/3/2026).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:** Vào ngày 20/08/2012, ông B có ký kết Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số: 294A/2012/HDBL-CN/PGB-ĐT để đảm bảo cho ông Nguyễn Thanh T vay số tiền 500.000.000 đồng. Đến ngày 27/02/2014 thì phát sinh nợ quá hạn (theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Đ ngày 04/12/2020). Thế nhưng Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 (trước đây là Ngân hàng TMCP X viết tắt là Ngân hàng H3) lại thu hồi vượt nợ gốc và tính lãi cho ông B 990.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc 490.000.000 đồng là số tiền do ông Nguyễn Văn T1 bảo lãnh cho ông T, ông B chỉ bảo lãnh cho ông T số tiền 500.000.000 đồng. Lý do: Ngân hàng yêu cầu ông B trả luôn phần ông Nguyễn Văn T1 bảo lãnh cho ông T tổng cộng 990.000.000 đồng (ông B chỉ bảo lãnh có 500.000.000 đồng), nếu ông B trả hết phần này thì Ngân hàng mới giải chấp 05 nền nhà tại thị trấn M, huyện T mà ông B đã thế chấp bảo đảm cho ông T vay tại Ngân hàng. Nhưng khi ông B trả xong nợ (990.000.000 đồng) thì Ngân hàng vẫn không giải chấp mà lấy tài sản này của ông B đem bán cho ông V chuyển tiền vào tài khoản của ông T để trừ số nợ gốc + lãi, với tổng số tiền: 605.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng lại không xử lý tài sản của ông T1 (tài sản thế chấp bảo đảm cho ông T vay 490.000.000 đồng, gồm diện tích: 19.601m², thuộc các thửa số 76, 94, 664, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) mà lại ép buộc ông B phải bán tài sản là 05 nền nhà tại thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để trả nợ thay cho ông T1.

Ông B nộp tiền 04 lần vào Ngân hàng cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 24/12/2018, nộp 450.000.000 đồng thông qua tài khoản của cán bộ Ngân hàng là ông Đoàn Đình Q1 nội dung là: Đoàn Đình Q1 trả nợ gốc HDTD 294/2012 Nguyễn Thanh T.

Ông B không yêu cầu đối với ông Đoàn Đình Q1 vì số tiền đã được chuyển vào tài khoản của ông T và số tiền 450.000.000 đồng là của ông B.

+ Lần 2: Ngày 21/12/2020 ông B nộp 540.000.000 đồng nội dung ông Nguyễn Văn B NTM vào TK KH Nguyễn Thanh T

+ Lần 3: Ngày 24/3/2021, ông Nguyễn Quốc V (là người nhận chuyển nhượng 05 thửa đất của ông B) chuyển vào tài khoản ông Nguyễn Thanh T số tiền 605.000.000 đồng. Số tiền bán đất là 4.900.000.000 đồng: ông Vũ C cho Ngân hàng số tiền 605.000.000 đồng, số tiền còn lại ông V trả cho ông B. Do

đó, ông B không có tranh chấp đối với ông V về việc chuyển nhượng đất trong vụ án này. Số tiền 605.000.000 đồng là ông Vũ N1 thay ông B vào tài khoản của ông T tại Ngân hàng.

+ Lần 4: ông B nộp tiền tại Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, sau đó nộp biên lai cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh nhưng nộp tiền tại Ngân hàng và Chi cục Thi hành án thời gian nào thì sự việc quá lâu nên không nhớ và không sao lục được tài liệu nộp cho Tòa án.

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh: “Ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Kim T2 đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền vay là 504.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/7/2017 là 320.265.000 đồng, tổng cộng 824.265.000 đồng (tám trăm hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Lý do ông B không nộp trả số tiền trên vào tài khoản của ông vì Ngân hàng không nhận tiền của ông B, hướng dẫn ông nộp vào tài khoản của ông T nếu ông không nộp vào tài khoản của ông T thì khi nợ quá hạn, Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản ông B thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của ông T, nên ông B phải trả nộp tiền vào tài khoản ông T để bảo vệ tài sản của mình. Việc ông B bị Ngân hàng É thể hiện qua biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Cao Lãnh nhưng biên bản này ghi không đúng lời trình bày của ông.

Ông B xác định cụ thể số tiền Ngân hàng thu thực tế của ông là 1.895.000.000 đồng. Nhưng ông B chấp nhận trả khoản nợ vay gồm gốc và lãi mà ông B đã bảo lãnh cho ông T vay vốn với số tiền 824.265.000 đồng tại Ngân hàng. Đối với ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn T1, Phạm Kim T2 không có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B về việc trả tiền cho Ngân hàng và ông B cũng không có yêu cầu đối với ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn T1, Phạm Kim T2 trong vụ án này.

Ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng phải trả cho ông B số tiền gốc + lãi đã thu vượt trên số tiền bảo lãnh của ông B với ông T là 2.277.412.000 đồng (hai tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng). Đồng thời kể từ ngày 06/11/2024 trở đi Ngân hàng phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất mà Ngân hàng đã tính với ông B là 0,0332%/01 ngày tương đương 0,996%/01 tháng. Ngoài ra, ông B không yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Thanh T vì ông B chấp nhận trả khoản nợ vay gồm gốc và lãi mà ông B đã bảo lãnh cho ông T vay vốn với số tiền 500.000.000 đồng tại Ngân hàng.

Sau đó ông Nguyễn Văn B rút yêu cầu đối với yêu cầu tính lãi đã thu vượt trên số tiền bảo lãnh của ông B với ông T và kể từ ngày 06/11/2024 trở đi Ngân hàng phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất mà Ngân hàng đã tính với ông B là 0,0332%/01 ngày tương đương 0,996%/01 tháng.

Ông Nguyễn Văn B yêu cầu triệu tập ông Đoàn Đình Q1 và ông Nguyễn Quốc V đến tham gia phiên tòa để xác nhận số tiền ông đã nộp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 và Phát T3 là tiền của ông.

- Bị đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T4, có người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Văn Q trình bày: Ông Nguyễn Thanh T có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Đ (Nay là Ngân hàng TMCP T4), theo các hợp đồng tín dụng cụ thể:

1. Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 294/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ký ngày 28/06/2012 và Phụ lục hợp đồng số 01/294/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ký ngày 20/08/2012, với các nội dung chính: Số tiền hạn mức vay: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); Thời hạn hạn mức: 36 tháng, kể từ ngày 28/06/2012; Giấy nhận nợ số 05/294/2012/HMTD/NH-TN/GNN ngày 30/08/2013, số tiền nhận nợ: 990.000.000 đồng (chín trăm chín mươi triệu đồng), ngày đến hạn: 30/08/2014.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba.

Việc này được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo đó:

+ Ngày 24/12/2018: Ông Đoàn Đình Q1 nộp 450.000.000 đồng vào tài khoản của ông T để trả nợ gốc;

+ Ngày 21/12/2020: Ông Nguyễn Văn B tự nguyện nộp 540.000.000 đồng vào tài khoản của ông T để trả nợ gốc.

Tổng lãi phát sinh đến ngày 03/01/2021 là 1.256.003.281 đồng.

+ Ngày 24/03/2021: Ông Nguyễn Quốc V nộp 605.000.000 đồng vào tài khoản ông Nguyễn Thanh T để tất toán khoản vay.

Căn cứ theo Hợp đồng vay vốn và Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các bên, tính đến ngày 1/3/2021 thì ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn T1, phải trả số tiền nợ gốc là 490.000.000 đồng và nợ lãi là 570.910.582 đồng. Tổng cộng: 1.060.910.582 đồng.

Ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Kim T2, phải trả số tiền nợ gốc là 504.000.000 đồng và nợ lãi: 685.092.699 đồng. Tổng cộng: 1.189.092.699 đồng.

Thực tế, khi tất toán khoản vay, Ngân hàng đã miễn giảm cho ông Nguyễn Thanh T với số tiền là: 651.003.281 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bên thực nộp nợ gốc là 990.000.000 đồng và nợ lãi: 605.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.595.000.000 đồng. Trong đó, chứng từ ghi nhận ông Nguyễn Văn B chỉ trực tiếp nộp số tiền là 540.000.000 đồng vào tài khoản của ông Nguyễn Thanh T để Ngân hàng thu gốc nợ vay. Trong khi theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh: “Ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Kim T2 đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền vay là 504.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/7/2017 là 320.265.000 đồng, tổng cộng 824.265.000 đồng (tám trăm hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Bên có nghĩa vụ còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng số

294/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ngày 29/6/2012 và Phụ lục hợp đồng số 01/294/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ngày 20/8/2012.”

Nay Ngân hàng không yêu cầu ông Nguyễn Văn B trong vụ án này, vì ông Nguyễn Thanh T đã tất toán xong Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số 294/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ký ngày 28/06/2012 và Phụ lục hợp đồng số 01/294/2012/HĐHM/NH-TN/PGB ký ngày 20/08/2012 vào ngày 24/3/2021.

Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B vì số tiền ông B nộp vào tài khoản của ông Nguyễn Thanh T là để trả nợ cho ông T theo thỏa thuận của các bên vay và bên bảo lãnh và hoàn toàn tự nguyện. Số tiền thanh toán nằm trong giới hạn nghĩa vụ theo hợp đồng và theo Quyết định công nhận của Tòa án.

Về việc giải chấp tài sản bảo lãnh của ông Nguyễn Văn B: Ngân hàng chỉ giải chấp tài sản sau khi nghĩa vụ thanh toán khoản vay được hoàn thành. Việc chuyển nhượng tài sản của ông B là giao dịch dân sự độc lập do hai bên chuyển nhượng thực hiện, Ngân hàng không tham gia. Ông B là người trực tiếp nhận giấy tờ tài sản tại Ngân hàng để thực hiện giao dịch.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B yêu cầu Ngân hàng trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền là 1.070.735.000 đồng thì Ngân hàng không đồng ý. Ngân hàng yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực S - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc: yêu cầu tính lãi đã thu vượt trên số tiền bảo lãnh của ông Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Thanh T và kể từ ngày 06/11/2024 trở đi Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất mà Ngân hàng đã tính với ông B là 0,0332%/01 ngày tương đương 0,996%/01 tháng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền là 1.070.735.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B nộp đơn kháng cáo đề ngày 22/9/2025 vào ngày 29/9/2025, kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 trả cho ông số tiền là 770.735.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B ủy quyền cho ông Nguyễn Thế H đại diện trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông B theo Đơn kháng cáo ngày 22/9/2025 và Đơn kháng cáo bổ sung ngày 03/3/2026. Sửa bản án sơ thẩm theo đó buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 và Phát T3 trả

cho ông B số tiền là 770.735.000 đồng (gồm số tiền ông B đã nộp cho Ngân hàng là 1.595.000.000 đồng - số tiền 824.265.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh), ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Ngân hàng trả số tiền 1.070.735.000 đồng mà ông B yêu cầu Ngân hàng trả số tiền là 770.735.000 đồng như nêu trên. Bởi các căn cứ như sau:

+ Ông B chỉ có nghĩa vụ trả bảo lãnh cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 824.265.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh nhưng đến ngày 21/12/2021 ông B đã nộp cho Ngân hàng số tiền 990.000.000 đồng. Ông B không có yêu cầu ông Nguyễn Quốc V chuyển khoản số tiền mà ông V mua 05 nền nhà của ông B mà ông Vũ kết H2 với Ngân hàng tự lấy tiền bán đất của ông B chuyển vào tài khoản của ông T 605.000.000 đồng để trả nợ cho ông T là vi phạm pháp luật nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B.

+ Căn cứ vào biên bản về việc thỏa thuận thi hành án ngày 15/01/2020, ông B đã trả xong phần bảo lãnh. Căn cứ vào biên bản về việc thỏa thuận thi hành án ngày 04/12/2020 Ngân hàng yêu cầu ông B trả thêm 540.000.000 đồng sẽ giải chấp cho ông B 2-3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau khi trả xong thì Ngân hàng cố tình không giải quyết 05 nền ở thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nên đã vi phạm Hợp đồng bảo lãnh tín dụng số 294 năm 2012.

+ Ngân hàng quản lý 05 nền nhà của ông B để ép buộc ông Nguyễn Quốc V là người mua đất nộp tiền cho Ngân hàng 605.000.000 đồng trả cho ông T ngày 24/3/2021.

+ Căn cứ Thông báo số 28/TB-CCTHADS ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh về kết quả xác định phân sở hữu, sử dụng tài sản chung hộ nhưng Chi cục Thi hành án và Ngân hàng không thực hiện theo Thông báo số 28/TB-CCTHADS mà ép buộc ông B bán 05 nền nhà để cản trở việc bảo lãnh của ông T1 cho ông T là vi phạm pháp luật nghiêm trọng gây thiệt hại cho ông B. Trong trường hợp có dấu hiệu tội phạm đề nghị Tòa án chuyển cơ quan điều tra Công an Tỉnh khởi tố hình sự tội công nhiên chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Đỗ Văn Q trình bày: Không thống nhất theo kháng cáo của ông B, bởi vì Ngân hàng thu hồi nợ từ tài khoản của ông T chứ không thu hồi nợ từ ông B. Việc ông B nộp vào tài khoản của ông T là tự nguyện thỏa thuận giữa họ. Sau khi ông T trả xong nợ thì Ngân hàng đã tất toán xong Hợp đồng. Số tiền thanh toán nằm trong giới hạn nghĩa vụ theo Hợp đồng và theo Quyết định của Tòa án. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực S - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 448/PB-VKS-DS ngày 03/3/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực S - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” là đúng quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn B không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông B nộp đơn kháng cáo đề ngày 22/9/2025 vào ngày 29/9/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Thanh T vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Nguyễn Văn B cho rằng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thì ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Kim T2 đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP X (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần T4) số tiền vay là 504.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/7/2017 là 320.265.000 đồng, tổng cộng 824.265.000 đồng, theo đó ông B chỉ chấp nhận trả khoản nợ vay gồm gốc và lãi mà ông đã bảo lãnh cho ông T vay vốn với số tiền 824.265.000 đồng tại Ngân hàng. Nhưng thực tế Ngân hàng đã thu của ông B số tiền 1.895.000.000 đồng đã vượt số tiền 824.265.000 đồng là 1.070.735.000 đồng. Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu bị

đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 trả cho ông B số tiền là 1.070.735.000 đồng. Bị đơn không thống nhất theo khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì số tiền ông B nộp vào tài khoản của ông Nguyễn Thanh T là để trả nợ cho ông T, theo thỏa thuận của các bên vay và bên bảo lãnh và hoàn toàn tự nguyện. Số tiền thanh toán nằm trong giới hạn nghĩa vụ theo hợp đồng và theo Quyết định công nhận của Tòa án. Trong đó, chứng từ ghi nhận ông Nguyễn Văn B chỉ trực tiếp nộp số tiền: 540.000.000 đồng vào tài khoản của ông Nguyễn Thanh T để Ngân hàng thu gốc nợ vay. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp đòi lại tài sản giữa các đương sự.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 trả cho ông B số tiền là 770.735.000 đồng là không có cơ sở. Bởi các căn cứ như sau:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn Ngân hàng TMCP X (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần T4) đã ép buộc ông B phải nộp số tiền 770.735.000 đồng vào tài khoản của ông T để trả nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông B số tiền 770.735.000 đồng, mặt khác việc này cũng không được phía bị đơn thừa nhận.

- Tại Tòa án ông B cho rằng lý do không nộp trả số tiền trên vào tài khoản của ông vì Ngân hàng không nhận tiền của ông B, hướng dẫn ông nộp vào tài khoản của ông T, nếu ông không nộp vào tài khoản của ông T thì khi nợ quá hạn, Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản ông thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của ông T, nên ông phải trả nộp tiền vào tài khoản ông T để bảo vệ tài sản của mình, việc ông bị Ngân hàng É thể hiện theo Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Cao Lãnh. Tuy nhiên, đối chiếu với Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 16/3/2021 không thể hiện nội dung sự việc như ông B trình bày mà chỉ ghi nhận ý kiến trình bày của ông B về việc thỏa thuận giao kết hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông B và ông Nguyễn Quốc V và nghĩa vụ thanh toán của ông B và ông V với Ngân hàng TMCP X. Mặt khác, ông B cho rằng Biên bản này ghi không đúng lời trình bày của ông nhưng ông B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở.

- Việc ông Nguyễn Văn B yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền là 770.735.000 đồng. Xét thấy ông B đã tự nguyện trả nợ cho Ngân hàng TMCP X (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần T4) theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh cho cả ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn T1, bà Phạm Kim T2 nhưng không có ủy

quyền của ông T, ông T1 và bà T2, đồng thời ông B cũng không có yêu cầu đối với ông T và ông T1, bà T2 trong vụ án này. Vì vậy, không có cơ sở xác định trách nhiệm của ông T, ông T1 và bà T2 đối với ông B theo quy định tại Điều 146, Điều 574 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, như phân tích trên cũng không có cơ sở xác định trách nhiệm của Ngân hàng phải hoàn trả lại cho ông B số tiền 770.735.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông B.

[4] Tại phiên tòa ông Nguyễn Thế H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 trả cho ông số tiền là 770.735.000 đồng (1.070.735.000 đồng - 300.000.000 đồng do ông B không cung cấp đủ chứng từ), đồng thời cung cấp Bảng ghi ý kiến ngày 04/3/2026 của ông B. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông H đại diện cho nguyên đơn như nêu trên là không đủ căn cứ, đồng thời phía nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn B không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông B thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí, nên được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực S - Đồng Tháp.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GDKTTT&THA TAND Tỉnh;
- TAND Khu vực S - ĐT;
- Phòng THADS Khu vực S - ĐT;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Danh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi